

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

V/v : “*Tranh chấp về Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Minh Cúc**

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Lâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lương Thị Thanh Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 477/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1972; HKTT: Tổ 22 phường T, quận T, thành phố Đ; Chỗ ở: K5/24/3 đường C, quận T, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Huỳnh L sinh năm: 1974; HKTT và chỗ ở: K196/12 đường T, tổ 22 phường T, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Huỳnh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đ. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng về quan điểm sống. Ông L tính cách lẳng nhăng, không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên

xảy ra cãi vã. Bản thân tôi đã nhiều lần cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Nay tôi xác định không còn tình cảm yêu thương gì đối với ông Phạm Huỳnh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 01 (một) người con chung: Phạm Huỳnh Phương T1, sinh năm 1996. Con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

* Bị đơn ông Phạm Huỳnh L không có bản khai, vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Huỳnh Thị T đối với ông Phạm Huỳnh L, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX cho bà T được ly hôn với ông L.

Về con chung: Con chung Phạm Huỳnh Phương T1, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị T về việc "*Tranh chấp về Ly hôn*" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Phạm Huỳnh L nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét

xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Huỳnh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống đến năm 2020 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng về quan điểm sống. Ông L tính cách lẳng nhăng, không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bản thân bà T đã nhiều lần cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Xét thấy việc mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự là có thật, phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trên thực tế hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 11 năm 2020. Tại phiên tòa hôm nay, bà T kiên quyết xin ly hôn. Ông L dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng cố tình vắng mặt. Thái độ này của ông L thể hiện việc coi thường pháp luật, không coi trọng cuộc hôn nhân của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Huỳnh L có 01 (một) người con chung: Phạm Huỳnh Phương T1, sinh năm 1996. Con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nguyên đơn bà Huỳnh Thị T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Phạm Huỳnh L về việc "*Tranh chấp về Ly hôn*".

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Phạm Huỳnh L.
- Về con chung: Bà Huỳnh Thị T xác định bà và ông Phạm Huỳnh L có 01 (một) người con chung: Phạm Huỳnh Phương T1, sinh năm 1996. Con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T xác định không có nên không đề cập đến

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002366 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/3/2021). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;
 - Viện kiểm sát ND TP Đà Nẵng;
 - VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
 - Chi cục THADS quận Thanh Khê;
 - UBND phường T;
- (Giấy CNKH số 37 ngày 09/4/2001)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Cúc